

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2022/DS-ST
Ngày 10 tháng 6 năm 2022
Tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cao Hồng Cẩm

2. Ông Nguyễn Trần Đăng Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S;

Địa chỉ: Số 266-268, đường N, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S: Bà Trương Yên N, sinh năm: 1991 – là chuyên viên quản lý nợ - Phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP S (theo giấy ủy quyền ngày 11/02/2022) (có mặt).

Địa chỉ: Số 164A, đường N, phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau;

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1973 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 120/16, khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, quá trình bổ sung tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Trương Yên N trình bày: Ngày 12/9/2018, ông Nguyễn Văn T có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/9/2018 tại Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là S) – Chi nhánh C. Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Văn T, S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng tổng hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất thỏa thuận là 2.5%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện giao dịch với tổng

số tiền 38.535.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, kể từ ngày kích hoạt thẻ ông T đã thanh toán cho S số tiền 37.180.000 đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản Điều Khoản và Điều Kiện của thẻ tín dụng. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều của bản Điều Khoản và Điều Kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 23/5/2021 S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của bản Điều Khoản và Điều Kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Tính đến ngày 10/6/2022 ông T còn nợ S tổng số tiền 26.229.309 đồng, trong đó: Nợ gốc là 15.000.000 đồng, lãi quá hạn 3.743.103 đồng, lãi trong hạn 7.486.206 đồng. Nay S khởi kiện yêu cầu ông T phải thanh toán cho S tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 10/6/2022 là 26.229.309 đồng và khoản nợ lãi phát sinh từ ngày 11/6/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để xét xử nhưng ông T vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T thanh toán khoản tiền đã vay. Bị đơn hiện nay đang cư trú tại thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau nên tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Cà Mau theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập ông Nguyễn Văn T đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ theo hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 12/9/2018, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Ngày 12/9/2018 ông Nguyễn Văn T có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với S và được S đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông T tổng hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng với mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Quá trình sử dụng thẻ, kể từ ngày kích hoạt thẻ ông T đã thanh toán cho S số tiền 37.180.000 đồng. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 23/5/2021 S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ

và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 10/6/2022 ông T còn nợ S tổng số tiền 26.229.309 đồng, trong đó: Nợ gốc là 15.000.000 đồng, lãi quá hạn 3.743.103 đồng, lãi trong hạn 7.486.206 đồng.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T theo đúng quy định nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản nêu ý kiến phản hồi gửi cho Tòa án. Đồng thời, theo Ngân hàng trình bày Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông T trả nợ cho Ngân hàng nhưng ông T cố tình né tránh, không trả nợ cho Ngân hàng. Hiện nay, ông T không còn cư trú tại địa phương, ông còn nợ Ngân hàng nhưng ông không báo cho Ngân hàng địa chỉ cư trú mới của ông để Ngân hàng biết. Từ đó cho thấy ông T cố tình giấu địa chỉ và không có thiện chí trả nợ.

Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn nhận thấy: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng được ký giữa các bên là tự nguyện và đúng quy định pháp luật nhưng do ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng nên Ngân hàng đã chuyển số tiền nợ sang dư nợ gốc và tính lãi quá hạn là đúng theo quy định tại mục 23 của bản Điều khoản và Điều kiện nêu trên. Căn cứ vào số dư nợ gốc, lãi suất thỏa thuận, có căn cứ xác định tính đến ngày 10/6/2022 ông T còn nợ S tổng số tiền 26.229.309 đồng, trong đó: Nợ gốc là 15.000.000 đồng, lãi quá hạn 3.743.103 đồng, lãi trong hạn 7.486.206 đồng.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 và Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc ông Nguyễn Văn T thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tính đến ngày 10/6/2022 là 26.229.309 đồng (*hai mươi sáu triệu hai trăm hai mươi chín nghìn ba trăm lẻ chín đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 15.000.000 đồng, lãi quá hạn 3.743.103 đồng, lãi trong hạn 7.486.206 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 10/6/2022, ông Nguyễn Văn T còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được ghi nhận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/9/2018 cho đến khi thi hành xong khoản nợ Ngân hàng.

2. Về án phí dân sự có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.311.500 đồng (chưa nộp). Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí. Ngày 07/3/2022 Ngân hàng thương mại cổ phần S có dự nộp 569.000 đồng theo biên lai số 0000979 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh C;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Út

